

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Ngử	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016 và từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Ngử	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Hoàng Trọng Tịnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	từ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Ngử	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016 và từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016

Ông Hoàng Trọng Tịnh được Ông Nguyễn Bá Chủ ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định Chủ tịch Hội đồng Thành viên số 54B/2017/QĐ-CT.HĐTV vào ngày 1 tháng 9 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

Số tham chiếu: 61248763/19302543-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 10 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		955.141.901.773	706.355.893.113
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	115.305.752.751	67.844.501.238
111	1. Tiền		115.305.752.751	21.744.501.238
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	46.100.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		542.595.229.549	415.525.923.689
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	74.934.965.539	314.229.607.842
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	186.999.364.295	96.461.721.231
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	272.800.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.123.645.141	4.834.594.616
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(1.262.745.426)	-
140	III. Hàng tồn kho	9	294.209.227.761	216.683.329.683
141	1. Hàng tồn kho		294.209.227.761	216.683.329.683
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.031.691.712	6.302.138.503
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.934.454.002	4.364.853.102
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.097.237.710	1.882.571.922
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	54.713.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		991.418.673.897	1.015.802.259.711
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		64.606.944.228	46.808.893.985
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	64.606.944.228	46.799.893.985
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	9.000.000
220	II. Tài sản cố định		860.204.961.524	926.395.538.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	797.017.912.985	858.272.359.481
222	Nguyên giá		1.261.437.481.727	1.240.671.946.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(464.419.568.742)	(382.399.587.211)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	62.692.225.631	67.610.055.686
225	Nguyên giá		73.767.448.385	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.075.222.754)	(6.157.392.699)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	494.822.908	513.122.913
228	Nguyên giá		1.110.686.516	1.110.686.516
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(615.863.608)	(597.563.603)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		29.124.126.000	4.619.884.514
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	29.124.126.000	4.619.884.514
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		30.119.552.000	30.119.552.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	30.119.552.000	30.119.552.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.363.090.145	7.858.391.132
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.363.090.145	7.858.391.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.946.560.575.670	1.722.158.152.824

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.262.211.105.423	1.208.301.977.478
310	I. Nợ ngắn hạn		938.046.275.136	818.901.717.157
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	12.274.868.826	12.868.750.685
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	72.692.704.593	140.593
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.007.396.037	4.355.730.910
314	4. Phải trả người lao động		2.015.753.629	8.342.155.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	15.242.342.509	13.757.292.649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.223.968.780	2.394.198.669
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	828.395.049.072	776.705.268.756
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.194.191.690	478.179.061
330	II. Nợ dài hạn		324.164.830.287	389.400.260.321
337	1. Phải trả dài hạn khác		185.500.000	185.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	323.979.330.287	389.214.760.321
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		684.349.470.247	513.856.175.346
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	684.349.470.247	513.856.175.346
411	1. Vốn điều lệ đã góp		539.998.760.000	389.998.760.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(255.383.119)	(255.383.119)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.362.914.423	54.362.914.423
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.243.178.943	69.749.884.042
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.413.606.203	45.407.996.911
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		76.829.572.740	24.341.887.131
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.946.560.575.670	1.722.158.152.824

Dương Thủy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.043.187.248.709	694.900.766.599
02	2. Các khoản giảm trừ	23.1	-	(7.045.487.373)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.043.187.248.709	687.855.279.226
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(850.602.645.284)	(582.116.528.495)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		192.584.603.425	105.738.750.731
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	42.234.139.182	18.143.700.197
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(92.780.453.481) (76.917.400.651)	(58.448.637.241) (58.438.931.728)
25	8. Chi phí bán hàng	26, 28	(27.255.899.939)	(18.313.293.580)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(35.477.550.256)	(25.587.390.297)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.304.838.931	21.553.129.810
31	11. Thu nhập khác	27	1.834.294.023	850.420.516
32	12. Chi phí khác	27	(1.286.484.805)	(948.203.908)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		547.809.218	(97.783.392)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.852.648.149	21.435.346.418
51	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hiện hành	29.1	(148.452.764)	3.587.254.642
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		79.704.195.385	25.022.601.060

Dương Thủy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.852.648.149	21.435.346.418
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		89.368.898.098	64.106.811.794
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.262.745.426	(281.031.440)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.795.320.553)	(16.220.202.553)
06	Chi phí lãi vay		76.917.400.651	58.438.931.728
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		222.606.371.771	127.479.855.947
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		129.550.136.258	(153.023.757.521)
10	Tăng hàng tồn kho		(77.525.898.078)	(151.707.442.223)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		55.661.190.985	(20.831.005.645)
12	Giảm chi phí trả trước		2.925.700.087	29.307.226.222
14	Tiền lãi vay đã trả		(65.988.279.366)	(46.234.113.594)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(436.549.327)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.494.887.855)	(4.230.523.111)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		258.734.333.802	(219.676.309.252)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(51.379.938.914)	(85.835.444.688)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.605.616.089	463.821.694
23	Tiền chi cho vay		(617.800.000.000)	(397.083.815.841)
24	Tiền thu hồi cho vay		345.000.000.000	397.083.815.841
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(13.858.398.095)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		23.846.890.254	17.445.044.625
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(297.727.432.571)	(81.784.976.464)

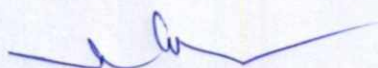
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B03-DN/HN

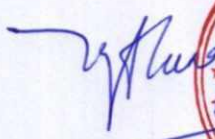
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.498.356.688.173	1.070.816.547.554
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.502.739.508.811)	(776.900.231.502)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(9.162.829.080)	(6.872.121.810)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		86.454.350.282	287.044.194.242
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		47.461.251.513	(14.417.091.474)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.844.501.238	82.261.592.712
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	115.305.752.751	67.844.501.238



Dương Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng


Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 437 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 429).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có một công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100	100

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Thông tin so sánh

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2015, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Theo đó, các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan kèm theo được trình bày cho mục đích cung cấp thông tin và không mang tính so sánh với số liệu của năm hiện hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.16 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	138.962.380	176.886.889
Tiền gửi ngân hàng	115.166.790.371	21.567.614.349
Các khoản tương đương tiền	-	46.100.000.000
TỔNG CỘNG	115.305.752.751	67.844.501.238

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	72.875.844.000	314.016.463.333
Phải thu bên khác	2.059.121.539	213.144.509
TỔNG CỘNG	74.934.965.539	314.229.607.842
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(83.365.799)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	74.851.599.740	314.229.607.842

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1 và 21.2).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	186.999.364.295	96.461.721.231
Nông dân (*)	164.724.222.620	89.585.127.681
Các bên khác	22.275.141.675	6.876.593.550
Dài hạn	64.606.944.228	46.799.893.985
Nông dân (*)	64.606.944.228	46.799.893.985
TỔNG CỘNG	251.606.308.523	143.261.615.216
Trong đó:		
Bên khác	230.690.776.243	142.882.869.716
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	20.915.532.280	378.745.500
Dự phòng trả trước khó đòi	(1.179.379.627)	-
Trong đó:		
Ngắn hạn	(1.179.379.627)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	250.343.563.097	143.261.615.216

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía hưởng lãi suất từ 0% đến 9,5% một năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	VND	
					Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 30)					272.800.000.000	-
Chi tiết các khoản cho bên liên quan vay ngắn hạn như sau:						
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín						
Hợp đồng số 06/2016/HĐVV/ ST-TTCS ngày 10 tháng 8 năm 2016	109.000.000.000	Ngày 10 tháng 8 năm 2017	10,0	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công						
Hợp đồng số 129/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 9 tháng 9 năm 2016	88.800.000.000	Ngày 13 tháng 12 năm 2017	8,5	Tín chấp		
Hợp đồng số 318/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 31 tháng 8 năm 2016	20.000.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2017	8,0	Tín chấp		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công						
Hợp đồng số 247/2016/HĐVV/ TMTTC-TTCS ngày 27 tháng 12 năm 2016	35.000.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2017	9,5	Tín chấp		
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh						
Hợp đồng số 11/2016/HĐVV/ TTCS-TTCS Gia Lai ngày 6 tháng 12 năm 2016	20.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	8,5	Tín chấp		
TỔNG CỘNG	272.800.000.000					

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Lãi phải thu	6.359.694.661	2.211.423.566
Tạm ứng cho nhân viên	2.352.560.922	2.239.213.775
Khác	411.389.558	383.957.275
TỔNG CỘNG	9.123.645.141	4.834.594.616
Trong đó:		
Bên khác	2.540.217.064	2.571.753.050
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	6.583.428.077	2.262.841.566

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Thành phẩm	273.566.809.698	200.102.096.111
Nguyên vật liệu	14.839.111.449	14.583.074.907
Công cụ, dụng cụ	4.868.403.140	1.191.773.552
Hàng hóa	934.903.474	806.385.113
TỔNG CỘNG	294.209.227.761	216.683.329.683

Hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	1.934.454.002	4.364.853.102
Chi phí phân bổ ngoài vụ	1.546.512.109	3.891.252.480
Khác	387.941.893	473.600.622
Dài hạn	7.363.090.145	7.858.391.132
Tiền thuê đất trả trước (*)	3.012.361.786	3.514.187.997
Công cụ, dụng cụ	1.972.657.676	2.996.060.400
Khác	2.378.070.683	1.348.142.735
TỔNG CỘNG	9.297.544.147	12.223.244.234

(*) Quyền sử dụng đất trị giá 1.073.921.682 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh số 21.1 và 21.2).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	160.102.610.558	1.060.213.170.189	16.209.744.911	4.146.421.034	1.240.671.946.692
Mua mới	2.275.550.084	6.824.460.334	5.203.637.364	84.200.000	14.387.847.782
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.454.126.026	11.033.723.620	-	-	12.487.849.646
Thanh lý	(1.075.661.178)	(4.559.259.521)	(475.241.694)	-	(6.110.162.393)
Số cuối năm	162.756.625.490	1.073.512.094.622	20.938.140.581	4.230.621.034	1.261.437.481.727
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.668.938.616	113.361.333.314	506.000.000	1.357.577.156	116.893.849.086
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	59.711.711.956	317.198.879.975	3.573.617.665	1.915.377.615	382.399.587.211
Khấu hao trong năm	9.625.706.488	72.137.117.021	2.040.562.037	629.382.492	84.432.768.038
Thanh lý	(606.232.540)	(1.645.623.059)	(160.930.908)	-	(2.412.786.507)
Số cuối năm	68.731.185.904	387.690.373.937	5.453.248.794	2.544.760.107	464.419.568.742
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	100.390.898.602	743.014.290.214	12.636.127.246	2.231.043.419	858.272.359.481
Số cuối năm	94.025.439.586	685.821.720.685	15.484.891.787	1.685.860.927	797.017.912.985
Trong đó:					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.2)	35.757.488.297	555.046.682.158	-	-	590.804.170.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND
Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 73.767.448.385

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm (chưa kiểm toán) 6.157.392.699

Khấu hao trong năm 4.917.830.055

Số cuối năm 11.075.222.754

Giá trị còn lại:

Số đầu năm (chưa kiểm toán) 67.610.055.686

Số cuối năm 62.692.225.631

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>430.000.000</u>	<u>680.686.516</u>	<u>1.110.686.516</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	589.186.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-	597.563.603	597.563.603
Hao mòn trong năm	-	<u>18.300.005</u>	<u>18.300.005</u>
Số cuối năm	-	<u>615.863.608</u>	<u>615.863.608</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	<u>430.000.000</u>	<u>83.122.913</u>	<u>513.122.913</u>
Số cuối năm	<u>430.000.000</u>	<u>64.822.908</u>	<u>494.822.908</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Máy móc thiết bị đang lắp đặt	25.852.322.002	-
Khác	<u>3.271.803.998</u>	<u>4.619.884.514</u>
TỔNG CỘNG	<u>29.124.126.000</u>	<u>4.619.884.514</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu
Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU (i)	13.703.680.000	5,00	13.703.680.000	5,00
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (ii)	12.215.872.000	6,58	12.215.872.000	6,58
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (iii)	4.200.000.000	14,00	4.200.000.000	14,00
TOTAL	30.119.552.000		30.119.552.000	

- (i) Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU ("TSU") được thành lập tại Singapore theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 201530328M ngày 29 tháng 7 năm 2015. Hoạt động chính của TSU là mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai liên quan đến khoản đầu tư này.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Đường Nước Trong là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía đường TTC") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía đường TTC đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Mía đường TTC là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Bên khác	9.607.233.437	10.165.738.823
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp		
Hùng Vương	248.045.872	2.064.338.090
Công ty Cổ phần Hùng Long	-	1.103.615.931
Khác	9.359.187.565	6.997.784.802
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.667.635.389	2.703.011.862
TỔNG CỘNG	12.274.868.826	12.868.750.685

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30) (*)	72.570.000.000	-
Bên khác trả tiền trước	122.704.593	140.593
TỔNG CỘNG	72.692.704.593	140.593

(*) Khoản bên liên quan trả tiền trước phải chịu lãi suất 7,5% một năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.194.768.372	34.228.128.714	34.765.613.944	3.657.283.142
Thuế thu nhập cá nhân	160.828.778	1.294.635.534	1.199.246.502	256.217.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	93.739.285	-	93.739.285
Thuế khác	133.760	121.491.440	121.469.400	155.800
TỔNG CỘNG	4.355.730.910	35.737.994.973	36.086.329.846	4.007.396.037
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.713.479	-	54.713.479	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	10.929.121.285	12.204.818.134
Lãi ứng trước tiền hàng	1.862.580.708	-
Chi phí vận chuyển	1.330.886.137	1.082.353.587
Khác	1.119.754.379	470.120.928
TỔNG CỘNG	15.242.342.509	13.757.292.649

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Chi hộ	726.920.474	636.256.804
Nhận ký cược, ký quỹ	475.554.956	305.756.956
Khác	1.021.493.350	1.452.184.909
TỔNG CỘNG	2.223.968.780	2.394.198.669

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	828.605.049.072	776.705.268.756
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	742.498.415.986	694.052.439.670
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	75.223.804.000	71.770.000.000
Vay bên khác dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	1.720.000.000	1.720.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	9.162.829.086	9.162.829.086
Dài hạn	323.769.330.287	389.214.760.321
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	286.718.721.213	341.281.322.167
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.3)	2.690.000.000	4.410.000.000
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 21.4)	34.360.609.074	43.523.438.154
TỔNG CỘNG	1.152.374.379.359	1.165.920.029.077

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Nhóm Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 9, 10 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	194.720.647.942	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	9,8	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	127.296.400.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2021	9,8	Máy móc, thiết bị tài trợ bởi khoản vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	17.244.682.824	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2017 đến ngày 29 tháng 3 năm 2022	8,0	Máy móc, thiết bị tài trợ bởi khoản vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	13.822.267.554	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2017 đến ngày 13 tháng 2 năm 2022	9,8	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	8.858.526.893	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022	8,0 – 9,8	Máy móc, thiết bị

TỔNG CỘNG

361.942.525.213

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

75.223.804.000

Vay dài hạn

286.718.721.213

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ bên khác

Nhóm Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ bên khác nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc Lãi suất (%/ năm)	Tài sản đảm bảo
Quý Bảo vệ Môi trường Việt Nam	4.410.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	5,40 Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000
Vay dài hạn	2.690.000.000

21.4 Nợ thuế tài chính dài hạn

Nhóm Công ty hiện đang thuế máy móc thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu
Nợ thuế tài chính ngắn hạn				
Từ 1 năm trở xuống	12.752.367.380	3.589.538.294	9.162.829.086	13.588.475.534
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Từ 1 – 5 năm	40.380.015.106	6.019.406.032	34.360.609.074	45.997.402.004
Trên 5 năm	-	-	-	7.134.980.475
TỔNG CỘNG	53.132.382.486	9.608.944.326	43.523.438.160	66.720.858.013
				14.034.590.773
				52.686.267.240

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ đã góp	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	389.998.760.000	54.362.914.423	46.481.932.166	718.818.620	(255.383.119)	491.307.042.090
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	25.022.601.060	-	-	25.022.601.060
Thanh lý công ty con	-	-	(154.718.095)	(718.818.620)	-	(873.536.715)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.599.931.089)	-	-	(1.599.931.089)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	389.998.760.000	54.362.914.423	69.749.884.042	-	(255.383.119)	513.856.175.346
Năm nay						
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	389.998.760.000	54.362.914.423	69.749.884.042	-	(255.383.119)	513.856.175.346
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.704.195.385	-	-	79.704.195.385
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.210.900.484)	-	-	(9.210.900.484)
Số cuối năm	539.998.760.000	54.362.914.423	90.243.178.943	-	(255.383.119)	684.349.470.247

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã tăng vốn điều lệ lên thành 539.998.760.000 VND theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDQT ngày 21 tháng 2 năm 2017, trong đó, tăng vốn bằng tiền là 100.000.000.000 VND và tăng vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 50.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Vốn điều lệ đã góp

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp VND
	Vốn điều lệ	% sở hữu	
	VND		
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	539.998.760.000	100	539.998.760.000

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Tổng doanh thu	1.043.187.248.709	694.900.766.599
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	843.662.548.892	547.035.286.335
Doanh thu bán mật đường	65.756.674.286	63.039.983.270
Doanh thu bán phân bón	68.702.234.400	40.636.857.977
Doanh thu bán điện	48.780.564.797	32.422.623.194
Doanh thu khác	16.285.226.334	11.766.015.823
Trừ	-	(7.045.487.373)
Hàng bán bị trả lại	-	(7.025.140.099)
Giảm giá hàng bán	-	(20.347.274)
Doanh thu thuần	1.043.187.248.709	687.855.279.226
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	843.662.548.892	540.010.146.236
Doanh thu bán mật đường	65.756.674.286	63.039.983.270
Doanh thu bán phân bón	68.702.234.400	40.636.857.977
Doanh thu bán điện	48.780.564.797	32.422.623.194
Doanh thu khác	16.285.226.334	11.745.668.549
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	910.527.356.971	588.298.644.757
Doanh thu đối với bên khác	132.659.891.738	99.556.634.469

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Thu nhập lãi	42.043.266.182	17.753.856.919
Thu nhập cổ tức	190.873.000	381.746.000
Khác	-	8.097.278
TỔNG CỘNG	42.234.139.182	18.143.700.197

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Giá vốn đường	668.166.082.408	444.290.034.285
Giá vốn mặt đường	65.772.970.490	60.185.952.019
Giá vốn phân bón	68.238.329.878	40.256.271.594
Giá vốn điện	34.535.054.339	26.762.827.915
Khác	13.890.208.169	10.621.442.682
TỔNG CỘNG	850.602.645.284	582.116.528.495

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Lãi vay	76.917.400.651	58.438.931.728
Lãi ứng trước tiền hàng	15.853.168.345	-
Khác	9.884.485	9.705.513
TỔNG CỘNG	92.780.453.481	58.448.637.241

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Chi phí bán hàng	27.255.899.939	18.313.293.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.693.648.696	13.432.915.704
Khấu hao tài sản cố định	3.601.885.953	2.699.773.694
Chi phí nhân viên	1.204.612.139	1.019.027.115
Chi phí khác	755.753.151	1.161.577.067
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.477.550.256	25.587.390.297
Chi phí nhân viên	16.406.775.068	11.935.660.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.999.434.413	5.737.528.774
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.827.744.941	1.248.843.233
Chi phí khác	10.243.595.834	6.665.357.877
TỔNG CỘNG	62.733.450.195	43.900.683.877

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Thu nhập khác	1.834.294.023	850.420.516
Phế liệu	1.508.380.001	606.240.000
Khác	325.914.022	244.180.516
Chi phí khác	1.286.484.805	948.203.908
Lỗ thanh lý tài sản cố định	1.091.759.797	360.131.150
Khác	194.725.008	588.072.758
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	547.809.218	(97.783.392)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	726.643.557.110	478.210.405.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.593.804.731	36.922.667.358
Chi phí nhân công	59.516.046.059	33.545.638.979
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	64.325.352.616	65.285.360.188
Chi phí khác	12.257.334.963	12.053.140.512
TỔNG CỘNG	913.336.095.479	626.017.212.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo Công văn số 3121/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Gia Lai ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Thuế suất thuế TNDN đối với các hoạt động khác của Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty và Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	148.452.764	59.869.004
Thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.647.123.646)
TỔNG CỘNG	148.452.764	(3.587.254.642)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.852.648.149	21.435.346.418
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	15.970.529.630	4.715.776.212
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Thuế TNDN được miễn	(16.130.803.211)	(4.870.682.207)
Chi phí không được khấu trừ	346.900.945	298.759.119
Thu nhập cổ tức	(38.174.600)	(83.984.120)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.647.123.646)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	148.452.764	(3.587.254.642)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)	VND
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm Thu nhập lãi	336.845.473.365 685.216.875	51.962.857.142 -	
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Cho vay Thu tiền vay Bán thành phẩm Góp vốn Thu nhập lãi Mua hàng hóa Mua tài sản Bán tài sản Sử dụng dịch vụ	269.000.000.000 249.000.000.000 150.290.971.287 100.000.000.000 2.419.666.664 488.571.428 365.954.964 316.914.846 13.636.364	140.000.000.000 140.000.000.000 99.776.122.725 - 2.377.211.255 1.767.560.694 - - 4.431.335.358	
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm Cho vay Thu tiền vay Thu nhập lãi Chi phí lãi Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	215.176.674.286 163.800.000.000 55.000.000.000 11.773.771.604 10.454.818.345 1.513.638.997 166.151.273	102.595.238.032 220.000.000.000 220.000.000.000 4.828.125.695 - 1.199.324.427 2.699.175.352	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm Mua hàng hóa Bán tài sản	136.595.511.903 70.193.889 -	- 111.980.981 1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay Bán thành phẩm Thu nhập lãi	109.000.000.000 21.085.714.287 13.269.408.485	- 147.595.238.096 840.213.667	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa kiểm toán)	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay Thu tiền vay Bán thành phẩm Chi phí lãi Thu nhập lãi Sử dụng dịch vụ	76.000.000.000 41.000.000.000 15.400.000.000 5.398.350.000 4.018.345.832 1.056.522.712	20.000.000.000 20.000.000.000 112.659.030.953 - 660.461.575 -	
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa Thu nhập lãi Cho vay Thu tiền vay	63.889.944.023 2.142.684.863 - -	41.842.388.874 1.183.634.362 16.000.000.000 16.000.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán thành phẩm Thu nhập lãi Mua hàng hóa	33.846.428.571 1.554.510.070 -	73.859.523.809 1.849.103.196 211.134.546	
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bao bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	9.832.842.768	4.466.415.160	
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua hàng hóa Thu nhập cổ tức	8.866.190.476 190.873.000	- 381.746.000	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán tài sản Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ Thu nhập lãi	2.427.073.000 753.795.000 345.000.000 160.118.698	- - - -	
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	1.586.131.200	1.305.000.000	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm	45.780.000.000	53.200.900.000
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm	10.520.376.000	42.625.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	8.190.000.000	7.769.810.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm	4.284.000.000	143.253.333
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán thành phẩm	3.225.868.000	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán thành phẩm	754.600.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	Bên liên quan	Bán thành phẩm	121.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	154.975.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	49.752.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	5.550.000.000
			72.875.844.000	314.016.463.333
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Dầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.842.336.700	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	73.195.580	378.745.500
			20.915.532.280	378.745.500

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	109.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	108.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	35.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Cho vay	20.000.000.000	-	-
			272.800.000.000		-
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Tiền lãi	2.755.277.777	840.213.667	
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	1.827.261.867	336.368.056	
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Tiền lãi	685.216.875	-	
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Tiền lãi Chi hộ	654.736.111 -	51.418.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	277.083.333	149.135.882	
Công ty TNHH Thương mại Dầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Tiền lãi	223.733.416	84.828.913	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Tiền lãi	160.118.698	-	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Tiền lãi	-	800.877.048	
			6.583.428.077	2.262.841.566	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	781.936.022	611.557.198
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	-	220.683.100
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	570.940.000	677.500.000
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	365.954.964	582.601.621
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	169.723.125	315.083.943
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	100.300.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	77.213.278	13.200.000
			51.568.000	-
			-	282.386.000
			2.667.635.389	2.703.011.862
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	72.570.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Dương Thúy Hằng
Người lập


Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng


Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 10 năm 2017

